ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1177 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nền mặt đường đoạn từ Km1+400 - Km2+300 ĐH.38, huyện Lộc Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục chi tiết sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ và kinh phí sửa chữa định kỳ sự nghiệp giao thông năm 2025;

Theo nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 97/TTr-SXD ngày 27/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nền mặt đường đoạn từ Km1+400 - Km2+300 ĐH.38, huyện Lộc Bình, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa nền mặt đường đoạn từ Km1+400 - Km2+300 ĐH.38, huyện Lộc Bình.

2. Địa điểm xây dựng: xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Lộc Bình.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Lạng Sơn.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế

của công trình chính: dự án nhóm C; loại công trình giao thông, cấp IV; thời gian sử dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu của dự án: sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường tuyến đường ĐH.38 nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình, nâng cao khả năng khai thác của tuyến đường, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân trong khu vực, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô

- Quy mô thiết kế, xây dựng từ Km1+157,27 - Km1+751,77/ĐH.38, tổng chiều dài đoạn tuyến thực hiện sửa chữa 594,50m (tận dụng 23,25m mặt đường cũ bê tông xi măng còn tốt), tổng diện tích sửa chữa mặt đường 2.180,13m^2.

- Giữ nguyên các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện tại trên tuyến, nền đường rộng trung bình 6,0m, mặt đường rộng trung bình 3,5m. Sửa chữa các hư hỏng cục bộ trên tuyến như hằn lún vệt bánh xe, lún cao su ... sau đó cào bóc tái sinh nguội tại chỗ và láng nhựa toàn bộ mặt đường 3 lớp dày 3,5cm, lượng nhựa 4,5kg/m^2.

- Công trình thoát nước và an toàn giao thông: tận dụng hệ thống thoát nước và an toàn giao thông hiện có trên tuyến.

8.2. Giải pháp thiết kế

a. Nền mặt đường

* Giải pháp kết cấu nền mặt đường:

- Tại các vị trí mặt đường hằn lún vệt bánh xe, tôn bù bằng cấp phối đá dăm loại II khôi phục trắc ngang, mui luyện; tại các vị trí mặt đường lún cao su, đào bỏ kết cấu nền đường hư hỏng, tôn bù bằng cấp phối đá dăm loại II khôi phục trắc ngang, mui luyện.

- Sau khi sửa chữa các vị trí nền, mặt đường hư hỏng cục bộ (hằn lún vệt bánh xe, lún cao su...) tiến hành cào bóc tái sinh nguội tại chỗ và láng nhựa 3 lớp, dày trung bình 3,5cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m^2 trên toàn bộ mặt đường.

* Kết cấu sửa chữa mặt đường từ trên xuống dưới như sau:

- Kết cấu 1: tăng cường trên mặt đường láng nhựa cũ:

+ Láng nhựa mặt đường 3 lớp dày trung bình 3,5cm, lượng nhựa 4,5kg/m^2;

+ Lớp cào bóc tái sinh nguội tại chỗ dày trung bình 20cm;

+ Lớp nền đường cũ.

- Kết cấu 2: sửa chữa mặt đường hằn lún vệt bánh xe sâu trung bình 5cm:

+ Láng nhựa mặt đường 3 lớp dày trung bình 3,5cm, lượng nhựa 4,5kg/m^2;

+ Lớp tôn bù bằng cấp phối đá dăm loại II thi công đồng thời với lớp móng đường gia cố tái sinh nguội tại chỗ dày trung bình 20cm;

+ Lớp nền đường cũ.

- Kết cấu 3: sửa chữa mặt đường lún cao su sâu trung bình 10cm. Tiến hành đào bỏ kết cấu nền, mặt đường lún cao su, sau đó hoàn trả bằng kết cấu tính từ trên xuống dưới gồm:

+ Láng nhựa mặt đường 3 lớp dày trung bình 3,5cm, lượng nhựa 4,5kg/m^2;

+ Lớp tôn bù bằng cấp phối đá dăm loại II thi công đồng thời với lớp móng đường gia cố tái sinh nguội tại chỗ dày trung bình 20cm;

+ Lớp hoàn trả sâu trung bình 20cm bằng vật liệu tận dụng kết cấu mặt đường cũ.

- Kết cấu 4: sửa chữa mặt đường bê tông xi măng cũ bị hư hỏng. Tiến hành đào bỏ lớp mặt đường bê tông xi măng cũ bị hư hỏng, sau đó hoàn trả bằng kết cấu tính từ trên xuống dưới gồm:

+ Láng nhựa mặt đường 3 lớp dày trung bình 3,5cm, lượng nhựa 4,5kg/m^2;

+ Lớp tôn bù bằng cấp phối đá dăm loại II thi công đồng thời với lớp móng đường gia cố tái sinh nguội tại chỗ dày trung bình 20cm;

+ Lớp nền đường cũ.

b. Công trình thoát nước: tận dụng các công trình thoát nước còn lại trên tuyến còn tốt, đảm bảo thoát nước.

c. Công trình phòng hộ và an toàn giao thông: tận dụng hệ thống công trình phòng hộ và an toàn giao thông hiện có trên tuyến.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	TCVN 14182:2024
3	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/ TCĐBVN
4	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
5	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường ô tô - Vật liệu thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
6	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
7	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
8	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011
9	Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu đường ô tô - Thi công và nghiệm thu (Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng + Nhũ tương nhựa đường)	TCVN 13150-1:2020
10	An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.000.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 820.131.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 18.371.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 106.299.000 đồng;
- Chi phí khác: 21.418.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 33.781.000 đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: kinh phí quản lý bảo trì đường bộ năm 2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Sở Xây dựng, UBND huyện Lộc Bình theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt

UBND huyện Lộc Bình tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VI, Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn